

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HNGĐ-ST

Ngày 19/04/2019

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Cương.

2. Bà Phùng Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Kim Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 19/04/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YK, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/03/2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/04/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn H sinh năm 1989; địa chỉ xóm 7B, xã KC, huyện KS, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hoài T sinh năm 1994; địa chỉ xóm 8, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị T: Bà Đinh Thị Ta sinh năm 1975, địa chỉ xóm 8, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; là mẹ đẻ chị T, đại diện theo quyết định chỉ định người đại diện trong tố tụng dân sự số 01/2019/QĐ-CDNĐD ngày 21/03/2019 của Tòa án nhân dân huyện YK; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/03/2019 được bổ sung tại biên bản tự khai các ngày 07 và ngày 21/03/2019 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là anh H trình bày: Anh H và chị T kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KC ngày 22/01/2018, quá trình tìm H và tại thời điểm kết hôn chị T là người bình thường, hoàn toàn khỏe mạnh. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng, trong thời gian này chị T hay mất ngủ về đêm, anh H đã đưa chị T đi khám và điều trị tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình, anh H được Bác sỹ giải thích chị T bị bệnh “Rối loạn sự thích ứng” và phải điều trị

hơn một tháng thì chị T ra viện; về phía gia đình có đi xem bói nói chị T bị “Vong nhập” từ đó chị T về nhà mẹ đẻ ở, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục được nữa, nên anh H xin được ly hôn với chị T. Về con, vợ chồng không có con chung. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 07/03/2019 và tại phiên tòa bị đơn là chị T trình bày: Chị T và anh H kết hôn với anh nhau là do hai bên tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KC ngày 22/01/2018. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 5/2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, từ tháng 7/2019 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đồng ý ly hôn với anh H. Về con, vợ chồng không có con chung. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 21/03/2019 và tại phiên tòa bà Ta là người đại diện cho chị T trình bày: Chị T và anh H tự do tìm H và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã KC ngày 22/01/2018. Trước khi kết hôn với anh H, chị T là người bình thường hoàn toàn khỏe mạnh. Sau khi kết hôn, chị T về ở với anh H được 03 tháng, do thay đổi môi trường sống và thường xuyên mất ngủ dẫn đến chị T bị mắc bệnh “Rối loạn thích ứng” gia đình đã đưa chị T đi bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình điều trị một thời gian cháu T khỏi và ra viện, từ đó đến nay chị T đã trở lại bình thường, hiện nay chị T đang sống và lao động tại xã KH. Nay anh H khởi kiện xin ly hôn với chị T, bà Ta đại diện cho chị T nhất trí và không có ý kiến gì. Vợ chồng anh H và chị T không có con chung, không có tài sản chung và không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho anh H được ly hôn với chị T ly hôn; buộc anh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh H khởi kiện xin ly hôn đối với chị T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của anh H là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình, thể hiện chị T có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xóm 8, xã KH, huyện YK, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về năng lực hành vi dân sự của bị đơn: Theo chứng cứ do anh H cung cấp là bản sao bệnh án tâm thần của chị T, do Bệnh viện tâm thần tỉnh Ninh Bình cấp ngày 08/5/2018, thể hiện chị T vào viện ngày 29/03/2018 ra viện ngày 08/5/2018, bệnh chính “Các rối loạn sự thích ứng” bệnh kèm theo “thiếu năng tuần hoàn não”; tình trạng lúc ra viện “Đờ, giảm”. Tòa án đã giải thích cho anh H thực hiện quyền yêu cầu tuyên bố chị T mất năng lực hành vi dân sự, nhưng anh H từ chối không yêu cầu; người đại diện hợp pháp cho chị T là bà Ta cũng có đơn từ chối giám định tâm thần đối với chị T. Căn cứ Điều 88 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã ra quyết định chỉ định bà Ta (là mẹ đẻ chị T) là người đại diện cho chị T tham gia tố tụng, để bảo vệ quyền lợi cho chị T trong việc giải quyết ly hôn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu ly hôn:

Theo lời khai của anh H, chị T và bà Ta là người đại diện cho chị T thể hiện, anh H và chị T kết hôn với nhau là do hai bên tự nguyện, trước và tại thời điểm kết hôn chị T là người bình thường, hoàn toàn khỏe mạnh. Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện YK ngày 22/03/2019, đại diện Ủy ban nhân dân xã KH cung cấp “cháu T trước thời gian lấy chồng là người hoàn toàn khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự”, đại diện Ủy ban nhân dân xã KC cung cấp “tại thời điểm làm thủ tục đăng lý kết hôn cho chị T và anh H, chúng tôi không phát hiện thấy chị T có biểu hiện bất thường nào khác và có đủ năng lực hành vi dân sự, để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật”. Anh H và chị T có khai đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KC và Ủy ban nhân dân xã KC đã cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/01/2018. Như vậy, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp.

Lý do ly hôn, cả anh H và chị T đều khai, kể từ sau khi chị T ra viện 08/5/2018, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn, anh H và chị T đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và chị T đồng ý ly hôn với anh H.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh H, cho anh H và chị T ly hôn.

Về con: Cả anh H và chị T cùng trình bày, vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Cả anh H và chị T cùng trình bày, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Phan Văn H, cho anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Hoài T ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phan Văn H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001993 ngày 06/03/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YK, anh H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp cho bị đơn là bà Ta có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện YK
- UBND xã KC
- Chi cục THADS
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực